

XỨ THANH TRÊN DÒNG CHẢY LỊCH SỬ

TRẦN VIỆT ANH*

Trong suốt hàng ngàn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải đấu tranh dựng nước và giữ nước. Sự vận động và phát triển mang trong mình những nét đặc trưng riêng của dân tộc. Thanh Hóa cũng đã hòa mình với những địa phương khác như một dòng hợp lưu cùng hướng về biển cả. Trong dòng chảy lịch sử đó đã đọng lại những nét riêng, phản ánh đặc điểm văn hóa và con người xứ Thanh.

Ngay từ đầu thế kỷ XX, nhiều nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam tiếp tục quan tâm sâu hơn đến xứ Thanh. Người ta chìm đắm với văn hóa đồ đồng Đông Sơn, để rồi một thời dài nhìn thấy xứ Thanh như trung tâm điểm của cả một vùng lớn về văn minh đồ đồng thau bao gồm khắp đất Bắc Bộ, Hoa Nam và đi xa hơn đến tận Indonesia. Từ sau ngày miền Bắc được giải phóng, nhiều nhà nghiên cứu mới của nước Việt Nam độc lập còn tìm thấy ở xứ Thanh là một trung tâm điểm cùng với nhiều trung tâm khác của nền nghệ thuật trong thiên niên kỷ thứ II dưới thời tự chủ.

1. Vai yếu tố cơ bản tạo nên nền văn hóa Đông Sơn

Về mặt địa lý, trước hết có thể nói diện tích của xứ Thanh xấp xỉ bằng cả châu thổ Bắc Bộ. Ở nơi ấy có một dòng sông văn hóa và kinh tế len lỏi qua các vùng trọng yếu của xứ Thanh, vượt qua đất Lào rồi vào đất Sơn La của miền Tây Bắc đất Việt. Chính con sông này (sông Mã) là một điều kiện quan trọng, mà theo chúng tôi, nó đã góp phần tích cực cho việc hình thành nên nền văn hóa đồng thau Đông Sơn rực rỡ.

* *Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa*

Bất kể một nền văn hóa nào được điểm tới đều phải có những chủ nhân cơ bản của nó. Thông thường, ai cũng nghĩ đó là người Việt. Song, khoảng cách nay trên 2.500 năm, thời kỳ mở đầu cho nền văn hóa Đông Sơn này đòi hỏi chúng ta phải xác định được người Việt là ai, trong các hệ thành phần cơ bản của dân tộc.

Gần đây, một số nhà nghiên cứu liên quan, bằng vào những quan điểm mới qua các kết quả khai quật và khảo sát điền dã, có đưa ra một nhận thức như sau:

Khoảng xấp xỉ 3.000 năm về trước, ở vùng hoang thổ Trung Hoa có một nạn bùng nổ dân số (khoảng thời Thương, Chu). Tất nhiên, sự bùng nổ dân số đã từng xảy ra ở rất nhiều nơi trên thế giới, khi mà năng suất lao động cùng thành quả của nó không đáp ứng nổi yêu cầu của số người tương ứng trong khu vực cư trú. Đó là một thực tế lịch sử khiến tộc người Hán phải bành trướng ra xung quanh, nhất là xuống phía Nam. Tất nhiên họ ép các tộc người bản địa phải dời bỏ quê hương của mình. Hệ quả nổi bật trong sự kiện lịch sử này là một phần lớn tộc người Thái và người Đán phải thiên di xuống nơi không có Hán. Chính sự thiên di của người Thái đã đã góp phần tạo nên hệ Tày - Thái ở vùng Tây Bắc và Đông Bắc Việt Nam cũng như ở Lào và ở Thái Lan. Đương nhiên, trong sự thiên di này thì cũng có mối qua lại của người Thái từ Lào sang Việt hoặc ngược lại.

Còn người Đán ở vùng ven biển thì đã theo các con thuyền cổ đại ra các miền hải đảo mà người ta ngờ rằng, có cả một phần nhỏ ở Nhật Bản, họ vào biển Đông, thâm nhập vào các cửa sông đất Việt, mà như cổ GS. Từ Chi và cổ GS. Trần Quốc Vượng còn cho chúng ta biết một bộ phận

đã đi ngược dòng sông Bạch Đằng vào sông Hồng lên tới tận vùng Phú Thọ để kết hợp với dân bản địa dưới tư cách một tộc người chủ thể của hệ Việt - Mường. Những người Đán này cũng đã thâm nhập vào cửa sông Mã để đi ngược lên các vùng núi xa xôi. Với vùng đất Bắc Bộ (văn hóa Bắc phải tính vào đến tận sông Gianh, Hà Tĩnh), người Đán đã thâm nhập chủ yếu các vùng thuận lợi cho thương thuyền; Từ Quảng Bình trở vào cho tới hết miền Trung, do điều kiện thuận lợi hơn, nên họ đã tập trung hơn để dần dần thành nòng cốt của tộc người Chăm. Họ cũng đã tràn đến vùng Indonesia và cả Malaysia. Đã một thời dài các nhà khoa học gọi hệ người này là Mã Lai - Đa đảo, tới nay được gọi là người Nam Đảo.

Đặc điểm của người thuộc hệ Nam Đảo này là quen sống với nền kinh tế biển và nghề sông nước. Đặc tính của họ thường là ăn sống nói gió, tính tình phóng khoáng linh hoạt. Phải chăng yếu tố Nam Đảo này đã tác động đến tâm hồn của người Việt suốt dọc ven biển từ Quảng Ninh trở vào tới ven biển của Việt Nam cả Bắc lẫn Trung, Nam. Ở Thanh Hóa thì biểu hiện rõ hơn về tổ tiên của cư dân nói ngôn ngữ Nam Đảo có lẽ là cư dân Hoa Lộc - Hậu Lộc.

Gần đây có những phát hiện mới dưới dạng giả thiết để làm việc, cho rằng giọng nói “chợ chợ” của người Việt là sự cộng âm giữa người Kinh nội địa cùng với người Đán ở ngoài biển đảo. Trong mặt ngữ âm của người Việt hiện nay, chúng ta đã thấy hiện còn nhiều từ có gốc Malay như từ “cửa” mà từ “Kuara Lampo” là một ví dụ, cửa sông Lampua.

Trở lại với hệ ngôn từ thì rõ ràng những người ở ven sông Đáy, những nơi mà nhà Lý cho tù binh Chăm lập làng thường nói tiếng nặng như người Nghệ Tĩnh. Ví dụ đó cho phép ta tạm ngờ rằng, càng đi sâu vào phía trong kể từ đất Thanh Hóa, yếu tố Malayo nặng dần thì tiếng “chợ chợ” cũng mạnh dần.

Như thế người xứ Thanh có thể đã mang yếu tố Malayo nhiều hơn ở châu thổ Bắc Bộ. Và, có thể yếu tố Malayo này đã góp phần tạo nên nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ. Chúng ta không thể chối cãi được rằng, gốc của nền văn hóa Đông Sơn là ở vùng châu thổ Bắc Bộ bởi vùng đất ấy có một con sông đậm mầu phù sa và một vùng lúa tập trung đủ tư cách để tạo nên nền văn minh Sông Hồng, làm bệ đỡ cho nền văn hóa đồ đồng. Tuy rằng chúng ta đã tìm được ở châu thổ sông Hồng

những hiện vật đồ đồng mang tư cách đỉnh cao của thời kỳ này, như: thạp đồng Đào Thịnh hay trống đồng Ngọc Lũ, Miếu Môn, Cổ Loa..., nhưng nơi tập trung của nghệ thuật đồ đồng lại là ở vùng Đông Sơn, mà theo tôi, khi người Đán thâm nhập vào xứ Thanh, đã cùng người địa phương bước sang thời kỳ phát triển của văn minh đồ đồng. Trên nền tảng đó, con sông Mã sớm được mang tính giao thương. Theo dòng sông Mã, có thể những con thuyền của cư dân ven biển đã đến tận Sơn La thuộc Tây Bắc, nơi gần với những mỏ đồng Tụ Long nổi tiếng, đã cung cấp cho họ nguyên liệu cơ bản, từ đó họ đưa về đến vùng đất tụ cư của mình mà thúc đẩy cho văn hóa đồ đồng với những hiện vật đa loại, đa dạng, với nhiều hoa văn độc đáo, để tạo thành một trong không nhiều trung tâm của nền văn hóa đồ đồng Việt.

Nhà nghiên cứu di sản văn hóa Trần Lâm Biền đã viết rằng: “Khi nói đến nền văn minh sông Hồng mà không quan tâm đến con sông Mã thì nền văn minh này dễ trở nên khập khiễng...”¹.

Chính vì thế, suốt chiều dài của sông Mã trên đất Thanh Hoá, di chỉ cổ Chàn Tiên, tiêu biểu cho giai đoạn sớm nhất của thời đại đồng thau ở ven đôi bờ sông Mã; làng cổ Đông Sơn,... có giá trị đặc biệt quan trọng trong việc góp phần làm sáng tỏ nhiều quan điểm lịch sử mới, đã chứng minh có một nền kinh tế nông nghiệp phát triển, một tổ chức nhà nước sơ khai thời các vua Hùng.

2. *Vài yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới văn hóa giai đoạn Lý, Trần, Lê sơ ở Thanh Hóa*

Vào thời Bắc thuộc, Thanh Hóa là Ái Châu, dân xứ Thanh cũng như mọi dân cư của các miền khác thuộc đất Việt đều bị kiểm chế, bị bóc lột một cách tàn bạo, khiến cho nền văn hóa bản địa như bị chững lại, chỉ tới thời kỳ tự chủ thuộc thiên niên kỷ thứ hai, dưới thời Lý, xứ Thanh lại trở thành một tâm điểm văn hóa của dân tộc ở những mặt như kinh tế, người xứ Thanh - Nghệ tại vùng ven biển vẫn nhớ công chỉ đạo khai phá của Tô Hiến Thành, ở mặt di sản văn hóa nghệ thuật thì những ngôi chùa của thời Lý đã xuất hiện khá tập trung ở phía Bắc sông Mã.

Phải nói rằng, xu hướng thống nhất cộng đồng dân tộc dưới thời kỳ này là một xu hướng tất yếu, mà một người có công lớn đó là Lý Thường Kiệt. Dưới sự chỉ huy của ông, người xứ Thanh thuận theo. Triều đình trung ương, đã góp phần tạo nên những chùa lớn, như: Sùng Nghiêm

Diên Thánh, Báo Ân tự, Linh Xứng... và nhiều chùa khác. Rõ ràng, trên đất Bắc Bộ chỉ những chùa nào có vua thì mới được chạm rồng, nhưng ở xứ Thanh điều đó ít nhiều như được giải thể vì chúng ta đã gặp rồng ở chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh mang phong cách Lý khá rõ rệt. Một đặc điểm khác trên vùng châu thổ Bắc Bộ hầu như chúng ta chưa tìm được con rùa nào đội bia của thời Lý thì ở xứ Thanh có con rùa đội bia sớm nhất trong tạo hình nước ta được làm vào năm 1126 (chùa Linh Xứng - 1126).

Tiếp sau đó là nghệ thuật của thời Trần, xứ Thanh cũng có nhiều như tại chùa Thông, Thạch Tuyên, Đót Tiên,.. gắn với vua Trần đi đánh Chiêm Thành ở phương Nam.

Tới thế kỷ thứ XV, nghệ thuật thời Lê sơ ở xứ Thanh là một điểm tập trung nổi tiếng của người Việt, với hệ thống cung điện và lăng mộ ở Lam Kinh. Quan sát vào mặt bằng của điện Lam Kinh, với ba cung nối tiếp nhau, có thể theo dạng chữ Tam đầu tiên trong kiến trúc Việt, kết cấu này như một gợi ý để chúng ta phục hồi lại điện Kính Thiên ở Đông Đô, Hà Nội. Rồi hệ thống lăng mộ của vua cùng hoàng hậu đã mang tính điển hình của phong cách và phong tục. Chúng ta có thể thấy, đây là những lăng mộ to nhất nước về không gian, cụ thể là các lăng mộ này phải được tính ít nhất từ tấm bia lớn, như khởi đầu. Từ đó con cháu của vua làm lễ mỗi dịp giỗ chạp, tết nhất... Trên đường từ tấm bia vào tới mộ, chúng tôi ngỡ rằng, còn những kiến trúc, chỉ được dựng lên mang yếu nghĩa nhất thời, trên con đường có phần quanh co của kiếp đời đã qua.

Điểm thứ nhất đáng quan tâm là, những ngôi mộ này đều được nằm trong rừng (như trở về với đất mẹ, về với cội nguồn). Song, các tượng mồ tuy được làm rất kỹ, mang phong cách của thời Lê sơ nhưng đều nhỏ, mà cũng theo ý kiến của nhà nghiên cứu Trần Lâm Biễn, ông so sánh với tượng

mồ Tây Nguyên thấy rằng, trước đây bao giờ cũng phải làm nhỏ, vì người chết khi về với đất thì thân hình cũng trở nên nhỏ bé, đó là điều bắt buộc, những tượng châu, vật châu đều phải làm bé tương ứng để tránh đe dọa tới kiếp đời đã qua. Các tượng này được tạc ngộ nghĩnh, có vẻ như đối lập với truyền thống điêu khắc đã có ở thế kỷ XI - XIII, thậm chí đối ngược với phong cách tạo tác của bia Vĩnh Lăng, tượng rồng ở sân châu... Phải chăng, đây là một vấn đề có tính sáng tạo thích ứng với tín ngưỡng của người đương thời.

Tất nhiên, những ngôi mộ này xưa kia không có tường bao, vì ý thức đương thời muốn hòa tan vào thiên nhiên, vũ trụ để tồn tại chứ không bị giam hãm trong các bức tường vuông vức như hiện nay (một số ngôi mộ của thời gian muộn hơn, như dưới thời Nguyễn người ta làm tường bao dưới dạng hình bầu dục, vì với hình thức này, nó như nơi để tụ hồn...). Thông qua những điều tra dân tộc học văn hóa, chúng tôi nghĩ rằng, có lẽ trong việc tu bổ, tôn tạo di tích cần phải được qua tâm nhiều hơn nữa.

Mới chỉ thoáng qua những kiến thức liên ngành, chúng tôi đã như thấy, văn hóa xứ Thanh cũng như văn hóa của toàn dân tộc thường mênh mông hơn nhận thức cứng nhắc, giáo điều của chúng ta một thời trước đây khi chưa dựa trên những phương pháp mới, đó là điều chúng tôi muốn đề cập tới./.

T.V.A

Chú thích:

1- Trần Lâm Biễn (2000), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, Tr. 112 - 113.

Tài liệu tham khảo:

- 1- *Chùa xứ Thanh*, Tập I, II, Nxb. Thanh Hóa, 2010.
- 2- *Lịch sử Thanh Hóa*, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
- 3- *Lịch sử Thanh Hóa*, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.
- 4- *Lịch sử Thanh Hóa*, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.

Trần Việt Anh: Thanh Region in History Streamline

Following the streamline of history, the author reviews Thanh region by his own perspective such as the reasons for bronze age culture gathering in Đông Sơn, as well as highlights the role of southern island's culture to Viet's culture. The author also puts forward some ideas to decode some phenomena of cultural heritage in Thanh region.